TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2018/DS-ST Ngày 10-4-2018 V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền)	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Lâm**;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trần Văn Lâm**;

Ông **Lý Thanh Phong**;

- Thư ký phiên tòa: Ông **Tô Văn Thừa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Bà **Triệu Thị Mộng Lý** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2017, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại cổ phần V**;

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 -7, Tòa nhà T, số 72, phố T, phường T, quận H, Tp. Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị **Nguyễn Ngọc Nguyệt Hằng**; địa chỉ: Số 25/28, đường L, Khóm 1, Phường 2, Tp. S, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo Văn bản ủy quyền số 14/2018/UQ-GĐK-TDTD ngày 16 tháng 01 năm 2018). (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị **Thạch Thị Sô Ma L;**

Địa chỉ cư trú: Số nhà 60, ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2017 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Ngọc Nguyệt Hằng, là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 10 tháng 3 năm 2014, Ngân hàng Thương mại cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng) với chị Thạch Thị Sô Ma L có ký Hợp đồng tín dụng số 20140310-103021-0004. Theo nội dung hợp đồng, Ngân hàng cho chị L vay số tiền 15.750.000 đồng, để tiêu dùng cá nhân, thỏa thuận lãi suất vay là 3,75%/tháng, chị L trả chậm liên tiếp trong thời hạn 24 tháng, tổng số tiền vốn gốc và lãi chị L phải trả cho Ngân hàng là 24.158.000 đồng, 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.007.000 đồng, tháng cuối cùng trả 997.000 đồng là dứt điểm, thời hạn thanh toán bắt đầu tính từ ngày 13 tháng 4 năm 2014.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giao cho chị L đủ số tiền vay và chị L cũng thanh toán cho Ngân hàng được 13 lần với số tiền vốn và lãi là 13.091.000 đồng. Số tiền còn lại, kể từ ngày 12 tháng 6 năm 2015 cho đến nay, chị L vẫn chưa thanh toán, mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần và đã quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Đến nay, chị L còn thiếu Ngân hàng số tiền vốn và lãi là 11.067.000 đồng (trong đó vốn gốc là 8.934.958 đồng).

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L trả cho Ngân hàng số tiền vay còn thiếu bao gồm vốn và lãi là 11.067.000 đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140310-103021-0004 ngày 10 tháng 3 năm 2014 (bản chứng thực); Giấy chứng nhận đăng ký doang nghiệp Công ty cổ phần (bản chứng thực); Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (bản chứng thực); Văn bản ủy quyền số 18/2017/UQ-CT ngày 13 tháng 3 năm 2017 (bản chứng thực) và Văn bản ủy quyền số 14/2018/UQ-GĐK-TDTD ngày 16 tháng 01 năm 2018 (bản chính).

Đối với bị đơn chị Thạch Thị Sô Ma L:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho chị biết, nhưng chị không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ chị L hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, sau đó đã thông báo cho chị biết kết quả phiên họp. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Chị L cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm

Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn đã được Tòa án triệu tập lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt, là không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng giao nộp thì Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị L trả tiền vay bao gồm vốn và lãi là 11.067.000 đồng là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị Thạch Thị Sô Ma L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử được quyền tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng Thương mại cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng) ký Hợp đồng tín dụng, cho chị L vay tiền với mục đích là để tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chị L trả nợ không đúng như thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L trả số tiền vốn vay và tiền lãi còn thiếu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền).

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa Ngân hàng và chị L là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn là chị L có địa chỉ cư trú ở ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, về việc yêu chị L trả tiền vốn vay và lãi còn thiếu là 11.067.000 đồng (trong đó tiền vốn vay là 11.397.859 đồng), Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo Hợp đồng tín dụng số 20140310-103021-0004 ngày 10 tháng 3 năm 2014, chị L vay của Ngân hàng tiền vốn là 15.750.000 đồng, tổng tiền vốn và lãi chị L phải trả cho Ngân hàng trong thời hạn 24 tháng là 24.158.000 đồng. Căn cứ vào lịch sử thanh toán thì chị L đã trả cho Ngân hàng được 13 lần với số tiền là 13.091.000 đồng. Như vậy, chị L còn thiếu Ngân hàng số tiền vốn vay và lãi tổng cộng 11.067.000 đồng là sự thật. Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết"*. Điều 689 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cũng quy định: *"Bộ luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017"*. Như vậy, Hợp đồng tín dụng

số 20140310-103021-0004 ngày 10 tháng 3 năm 2014 giữa Ngân hàng với chị L đã thực hiện xong trước ngày 01 tháng 01 năm 2017, nhưng xảy ra tranh chấp nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 (gọi tắt là Bộ luật Dân sự năm 2005) để giải quyết. Theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì: *"Bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn,.."*. Điều 290 của Bộ luật này cũng quy định: *"1. Nghĩa vụ trả tiền phải thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."* Đến nay, Hợp đồng tín dụng giữa hai bên đã hết hạn, chị L vẫn còn nợ Ngân hàng số tiền vốn vay và lãi tổng cộng là 11.067.000 đồng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị L trả toàn bộ số tiền này là có căn cứ chấp nhận.

[5] Như vậy, tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ.

[6] Về án phí: Hội đồng xét xử thấy, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *"Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận"*. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.067.000 đồng x 5% = 553.350 đồng, còn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là Ngân hàng cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án là chị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 290, khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468, điểm c khoản 1 Điều 688 và Điều 689 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần V. Buộc chị Thạch Thị Sô Ma L trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền vốn vay

và lãi tổng cộng là 11.067.000 đồng (Mười một triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

2. Án phí:

- Chị Thạch Thị Sô Ma L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 553.350 đồng (Năm trăm năm mươi ba nghìn ba trăm năm mươi đồng).

- Ngân hàng Thương mại cổ phần V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004357 ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là Ngân hàng Thương mại cổ phần V cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án là chị Thạch Thị Sô Ma L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Lâm